

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ- ST**  
Ngày : 30- 6- 2022  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 74/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Ka B**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Anh **Lê Xuân L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 2, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Ka B có đơn đề nghị vắng mặt, anh Lê Xuân L vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ka B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka B và anh Lê Xuân L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Măng Tố, huyện Tân L, tỉnh Bình Thuận vào ngày 13/5/2013. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, không quan tâm tới gia đình, đánh đập chị Ka B. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai người phân ai nấy

sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, không liên lạc. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Ka B xin được ly hôn với anh Lường.

**Về con chung:** Quá trình chung sống chị Ka B và anh Lê Xuân L có 01 người con chung tên là Ka Lê Thanh T, sinh ngày 22/9/2012. Hiện nay cháu Ka Lê Thanh T do chị Ka B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ly hôn chị Ka B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Ka B không yêu cầu anh Lê Xuân L phải cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Quá trình chung sống chị Ka B và anh Lê Xuân L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Quá trình chung sống chị Ka B và anh Lê Xuân L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện B đã triệu tập họp lệ anh Lê Xuân L nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của chị Ka B nhưng anh Lường vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/5/2022 nhưng không được do anh Lường vắng mặt, đồng thời chị Ka B có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ka B và anh Lê Xuân L được ly hôn. Về con chung cần giao 01 con chung là Ka Lê Thanh T, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Ka B tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Lê Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **I. Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị Ka B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Xuân L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **II. Về nội dung vụ án:**

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ka B và anh Lê Xuân L chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Măng Tố, huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận vào ngày 13/5/2013. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L thường xuyên uống rượu, không quan tâm tới gia đình, đánh đập chị Ka B. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai người phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, không liên lạc. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Ka B xin được ly hôn với anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Lê Xuân L không có mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị Ka B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Lê Xuân L cho đến hiện nay cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết ly hôn, cũng không làm việc để trình bày về thiện chí hòa giải. Qua xác minh tình trạng hôn nhân thì vợ chồng chị Ka B và anh Lê Xuân L đã giải quyết ly hôn theo phong tục đồng bào và đã sống ly thân. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Ka B và anh Lê Xuân L được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung*: Xét lời khai của chị Ka B, căn cứ vào giấy khai sinh chị Ka B nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Ka B và anh Lê Xuân L có 01 người con chung tên là Ka Lê Thanh T, sinh ngày 22/9/2012. Quá trình hai vợ chồng sống ly thân chị Ka B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ka Lê Thanh T. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì cháu Ka Lê Thanh T phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, bên cạnh đó cháu Ka Lê Thanh T còn có đơn nguyện vọng được ở với mẹ, chị Ka B có việc làm, có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Ka B là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Ka Lê Thanh T, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Ka B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Ka B không yêu cầu anh Lê Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

{3} *Về tài sản chung*: Chị Ka B trình bày quá trình chung sống chị Ka B và anh Lê Xuân L không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Chị Ka B trình bày quá trình chung sống chị và anh Lê Xuân L không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Ka B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5,

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka B đối với anh Lê Xuân L về việc “Xin ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Ka B và anh Lê Xuân L được ly hôn.

**2. Về con chung:** Giao 01 con chung là Ka Lê Thanh T, sinh ngày 22/9/2012 cho chị Ka B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

**3. Về án phí:** Buộc chị Ka B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ka B đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004354 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Măng Tố, H. Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Hà Vi**



















